

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2011**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	1 - 3
Bảng Cân đối kế toán	4 - 6
Bảng kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế công bố báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/09/2011

1. Thông tin khái quát:

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, từ Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế sang Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 2660 QĐ/UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101156 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2011, của Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế, Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Lô số 9 đường Phạm Văn Đồng Thành phố Huế
- Điện thoại: 054.3821510
- Fax: 054.3825152
- Email: info@xaylaphue.com.vn

3. Tổ chức bộ máy của Công ty gồm:

- Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Công ty gồm 6 Công ty con, 11 Công ty liên doanh liên kết và 12 đơn vị trực thuộc.

- Các xí nghiệp trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

- + Xí nghiệp Xây lắp 1
- + Xí nghiệp Xây lắp 2
- + Xí nghiệp Xây lắp 3
- + Xí nghiệp Xây lắp 4
- + Xí nghiệp Xây lắp 5
- + Xí nghiệp Xây lắp 6
- + Xí nghiệp Xây lắp 7
- + Xí nghiệp Xây lắp 9
- + Xí nghiệp Xây lắp 10

+ Phòng Quản lý dự án và các đội xây dựng

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và kế toán trưởng gồm có:

+ Hội đồng quản trị:

* Ông: Trần Đức Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010
* Ông: Lê Quý Định	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010
* Ông: Nguyễn Chí Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010
* Ông: Lê Văn Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010
* Ông: Nguyễn Văn Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

* Ông: Đoàn Hữu Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010
* Ông: Lê Văn Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010
+ Ban kiểm soát:		
* Bà: Lê Thị Cẩm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010
* Ông: Lê Viết Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010
* Bà: Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/12/2010
+ Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng:		
* Ông: Lê Quý Định	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/12/2010
* Ông: Nguyễn Chí Thành	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/12/2010
* Ông: Lê Văn Hậu	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/12/2010
* Ông: Nguyễn Văn Quý	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/12/2010
* Ông: Lê Văn Tài	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31/12/2010

4. Lĩnh vực kinh doanh :

- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và vật liệu dựng.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Khai thác đá, cát, sỏi
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ (Sản xuất, chế biến lâm sản)
- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Xây dựng các công trình dân dụng
- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, thể thao, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, điện dân dụng và công nghiệp
- Lắp đặt công trình điện đến 35 KV
- Hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội thất)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán mô tô, xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
- Mua bán xăng dầu
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá
- Kinh doanh lưu trú du lịch
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống
- Kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư
- Kinh doanh dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (tư vấn lập dự án, giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, hạ tầng kỹ thuật, thiết kế kết cấu, kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng, khảo sát địa chất công trình).
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (đại lý làm thủ tục hải quan)
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

5. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính quý 3/2011 trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2011 và Kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong chín tháng đầu năm kết thúc ngày 30/09/2011, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Quý Định

Huế, ngày 21 tháng 10 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Kết thúc ngày 30/09/2011

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 và các sửa đổi bổ sung
Có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		415.403.977.717	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	64.506.311.019	
1. Tiền	111		1.242.788.816	
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.263.522.203	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		248.479.054.530	
1. Phải thu khách hàng	131		67.140.746.054	
2. Trả trước cho người bán	132		100.401.910.892	
3. Phải thu nội bộ	133		65.239.235.828	
4. Các khoản phải thu khác	135	V.02	15.697.161.756	
IV. Hàng tồn kho	140		100.428.660.845	
1. Hàng tồn kho	141	V.03	100.428.660.845	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.989.951.323	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	951.270.254	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55.913.585	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		152.256	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	982.615.228	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.186.712.421	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		102.075.656.361	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	34.294.892.273	
- Nguyên giá	222		44.178.489.059	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.883.596.786)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		0	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	67.780.764.088	
III. Bất động sản đầu tư	240		0	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	88.769.371.829	
1. Đầu tư vào công ty con	251		63.257.053.909	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.389.744.230	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.122.573.690	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		30.341.684.231	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.09	30.341.684.231	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		636.590.690.138	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		496.183.152.413	
I. Nợ ngắn hạn	310		397.053.312.452	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	55.904.811.462	
2. Phải trả người bán	312		58.096.235.023	
3. Người mua trả tiền trước	313		127.289.775.365	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	4.704.366.853	
5. Phải trả người lao động	315		2.761.612.035	
6. Chi phí phải trả	316		-	
7. Phải trả nội bộ	317		65.239.235.828	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	V.12	83.057.275.886	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	
II. Nợ dài hạn	330		99.129.839.961	
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	52.685.309.025	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		13.568.546.206	
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.14	32.875.984.730	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.407.537.725	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	140.407.537.725	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		126.000.000.000	
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		1.154.445	
3. Quỹ đầu tư phát triển	414		-	
4. Quỹ dự phòng tài chính	415		-	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.406.383.280	
- Lợi nhuận năm trước				
- Lợi nhuận năm nay			14.406.383.280	
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		636.590.690.138	

